

Bản án số: 557/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06-9-2018

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân :

1/ Bà Nguyễn Thị Kim Dung

2/ Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, số 27 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2018/TLST-HNGĐ ngày 04/4/2018, về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2018/QĐXX-ST ngày 17/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 96/2018/QĐST-DS ngày 09/8/2018 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Công B, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Chợ, xã T, huyện G, tỉnh T

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: 419/8T Cách Mạng Tháng Tám, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2018, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Ông Nguyễn Công B trình bày:

Ông B và Bà M tự nguyện chung sống từ năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 105 ngày 04/8/2006.

Quá trình chung sống, vợ chồng sống được một thời gian khá hạnh phúc nhưng sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do Bà M thường xuyên bỏ nhà đi không quan tâm đến đời sống gia đình. Trong cuộc sống Bà M thường xuyên gây gổ dẫn đến không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Do vợ chồng không còn tình cảm nên Ông B đã sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Ông B xin được ly hôn với Bà M

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông B khai không có không yêu cầu toà án giải quyết.

Bị đơn Bà Nguyễn Thị Ngọc M vắng mặt trong suốt quá trình tòa thụ lý và giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do bị đơn vắng mặt, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 105 ngày 08/3/2012 của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa Bà Nguyễn Thị Ngọc M và Ông Nguyễn Công B là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, nay Ông B yêu cầu ly hôn là tranh chấp “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Bà M hiện đang cư trú tại địa chỉ 419/8T Cách Mạng Tháng Tám, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Xét bị đơn Bà Nguyễn Thị Ngọc M đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Xét đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn Ông Nguyễn Công B là hợp lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng

[4] Về nội dung:

[4.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của Ông B, Hội đồng xét xử xét thấy :

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng giấy triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa tham gia tố tụng, từ bỏ quyền lợi hợp pháp của mình, do vậy Tòa căn cứ vào chứng cứ và lời khai của nguyên đơn để giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai và các biên bản không tiến hành hòa giải được, Ông B trình bày, vợ chồng sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đã ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Nguyên nhân là do Bà M không quan tâm đến cuộc sống gia đình, thường xuyên bỏ nhà đi không biết vì lý do như thế nào. Quá trình chung sống Bà M không thay đổi mà tình trạng ngày thêm trầm trọng nên ông quyết định xin ly hôn. Bản thân Bà M đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa cung cấp lời khai và không tham gia hòa giải. Qua đó cho thấy bản thân Bà M cũng không thiết tha đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nay Ông B xin ly hôn Bà M là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Hai bên không có con chung nên không xem xét giải quyết.

[4.3] Về tài sản chung: Ông B khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Ông B phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 5, khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn :

Về quan hệ vợ chồng: Ông Nguyễn Công B được ly hôn Bà Nguyễn Thị Ngọc M.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Ông B khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Ông B chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0040655 ngày 03/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ đối với Ông B và Bà M.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- UBND Phường A, Quận B;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Nhân

